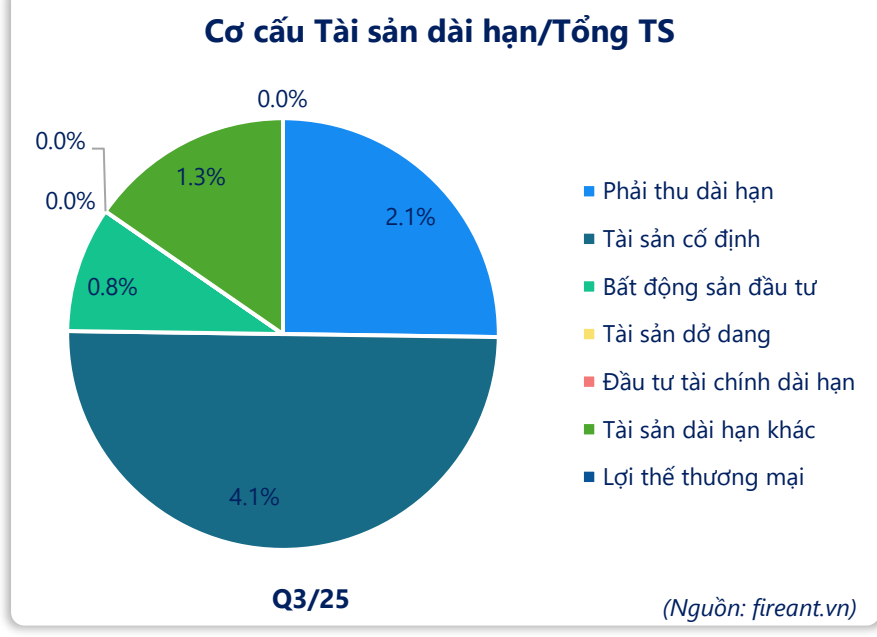
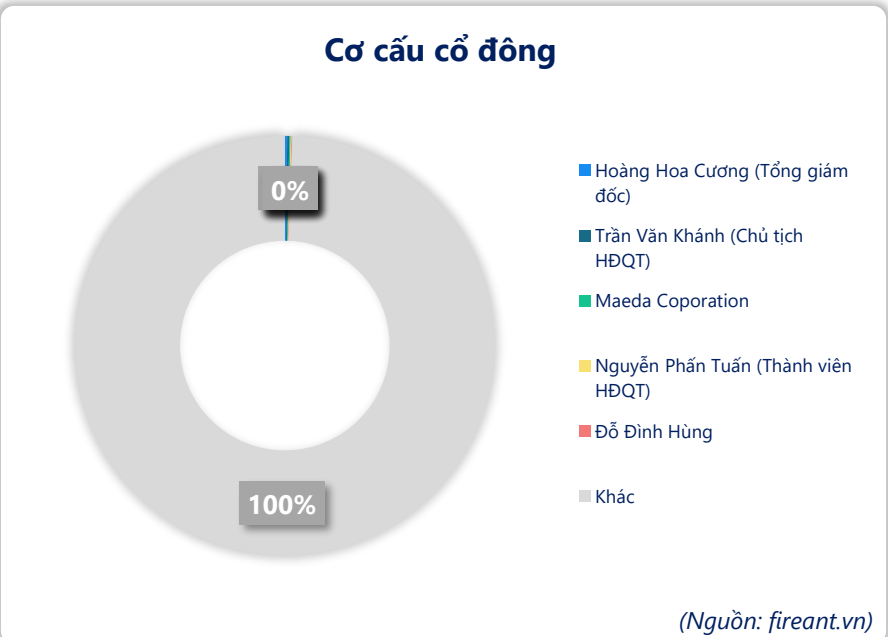
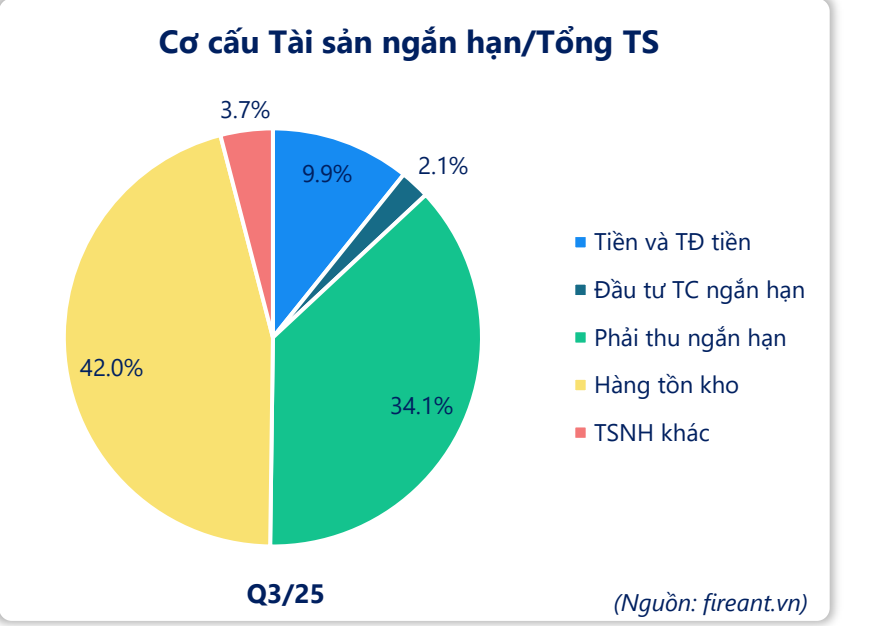
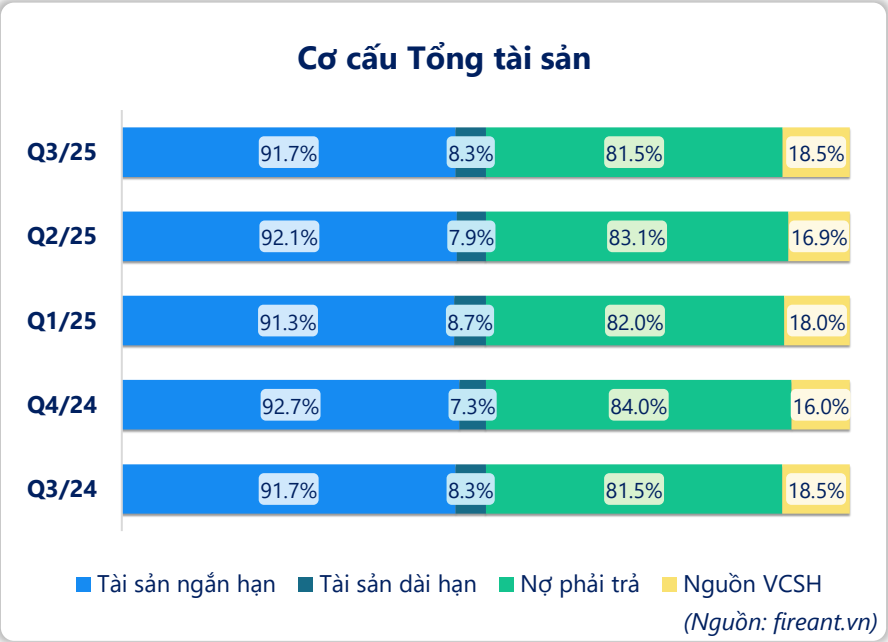
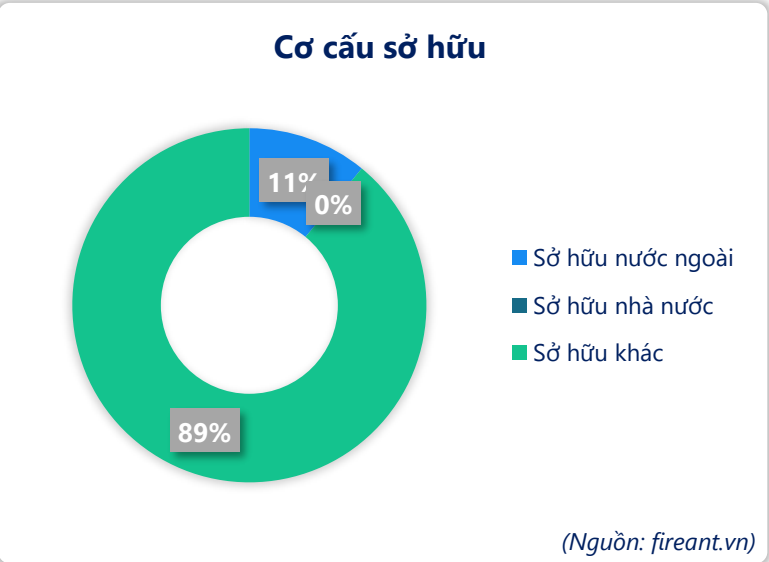
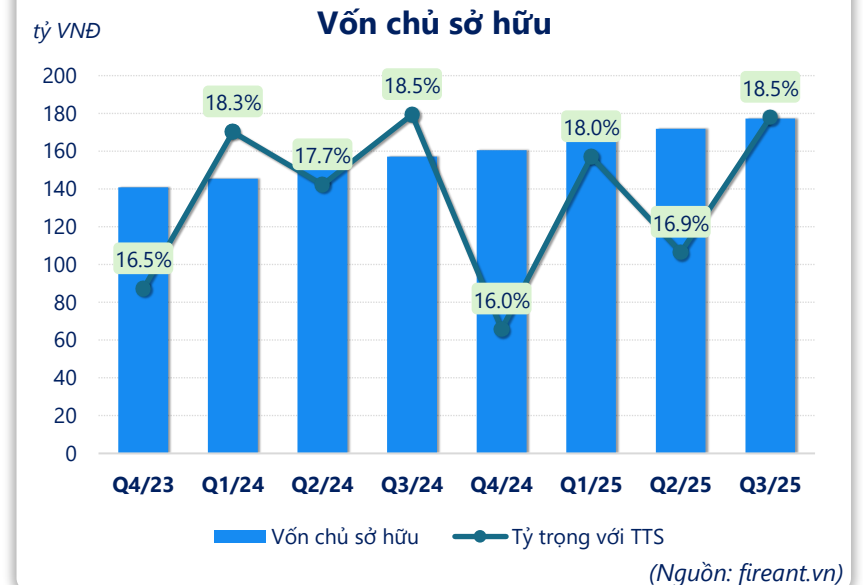
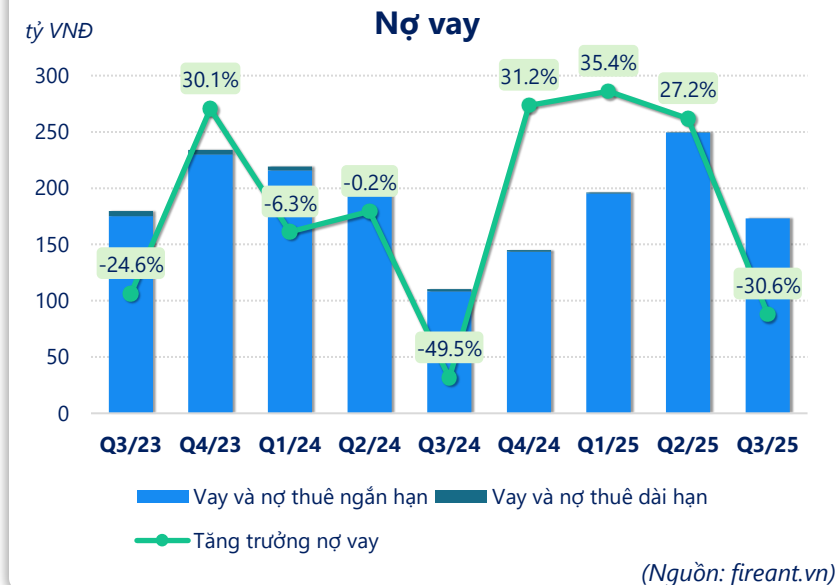
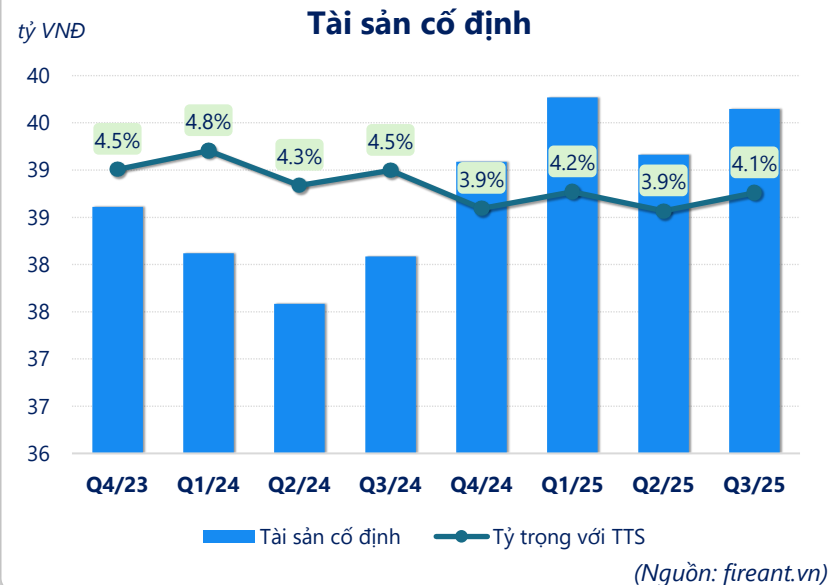
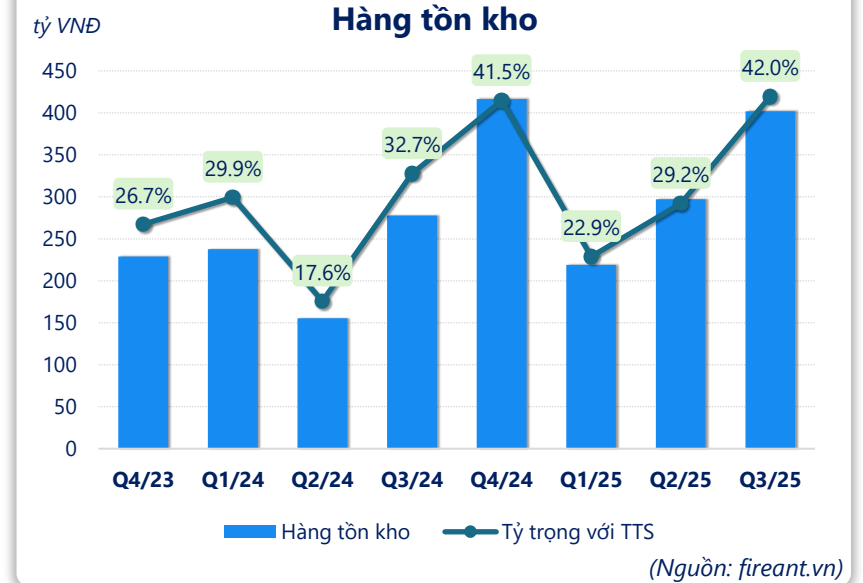
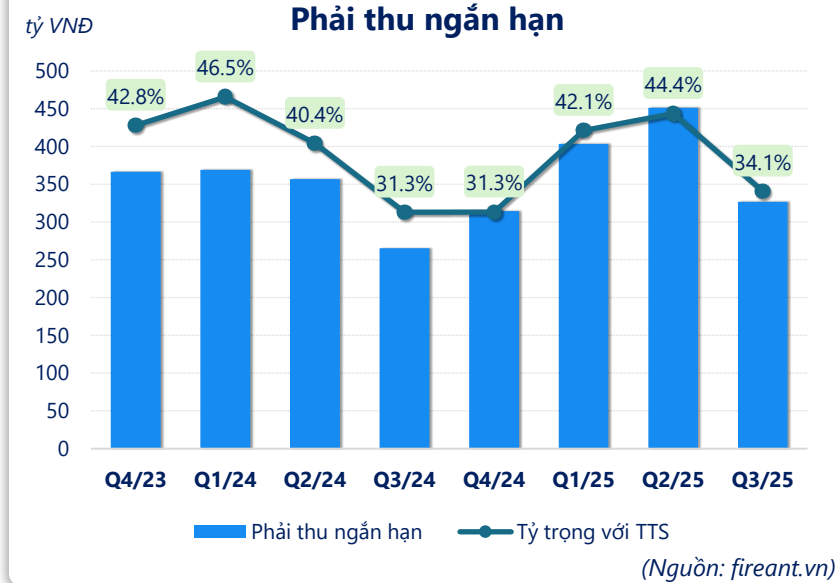
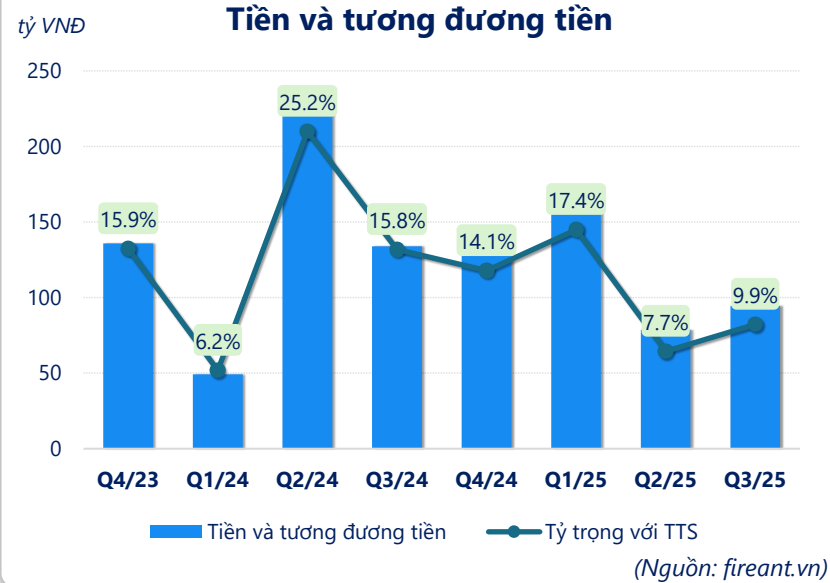
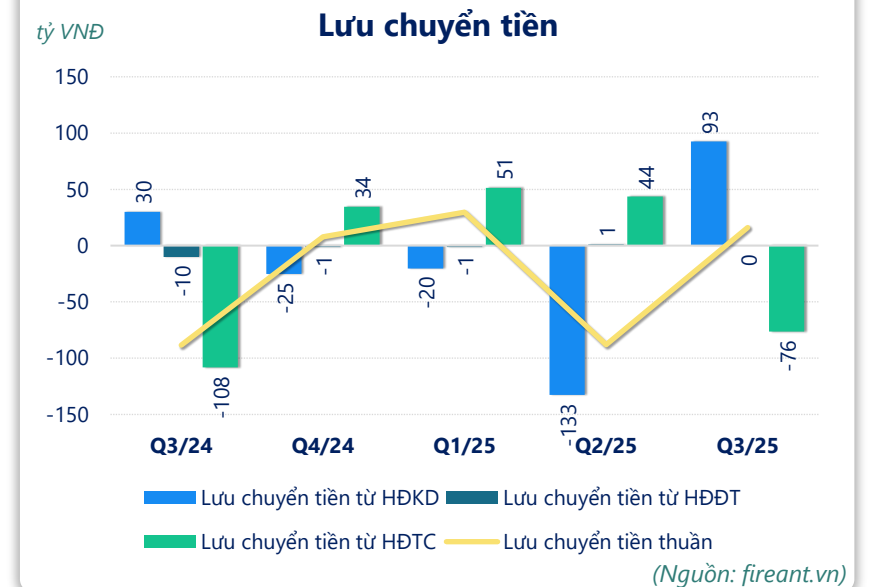
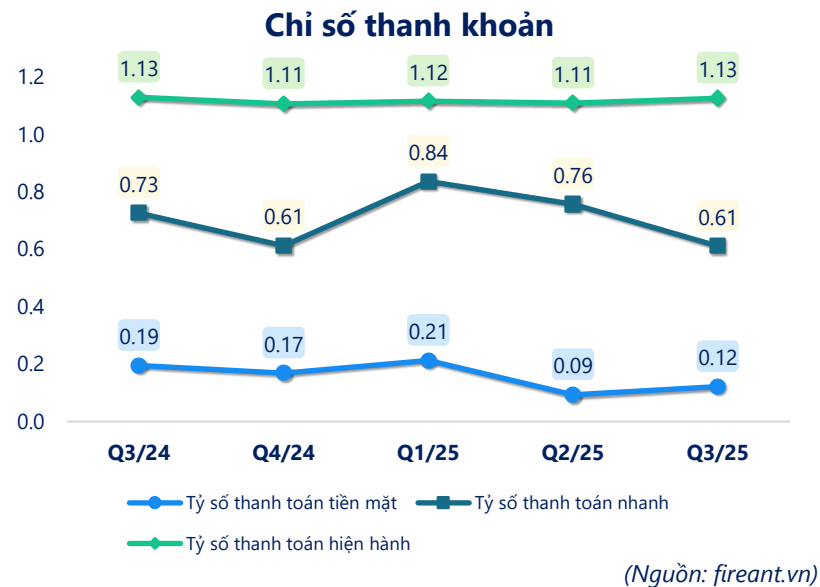
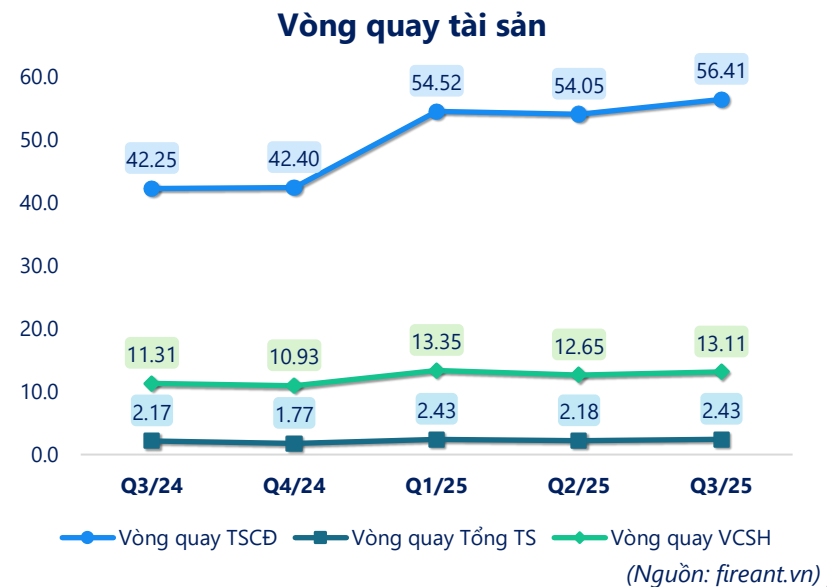
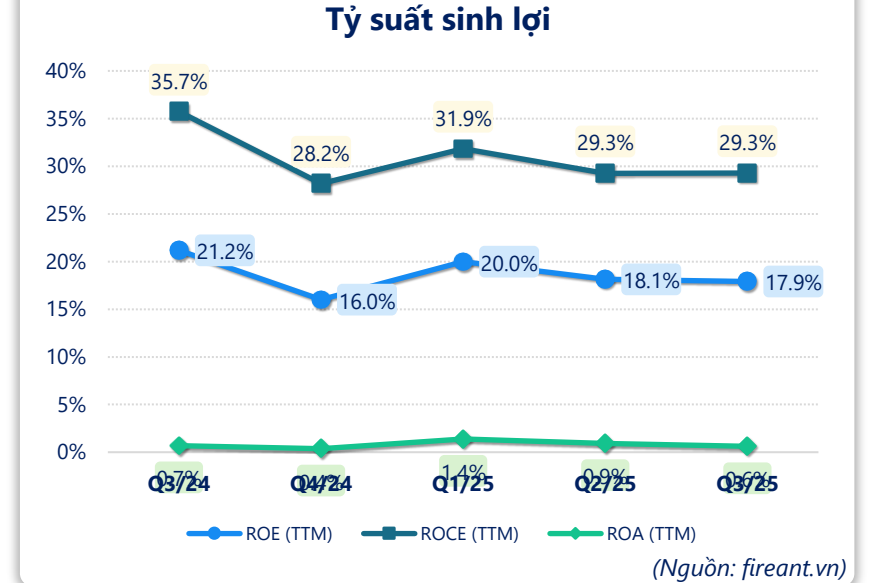
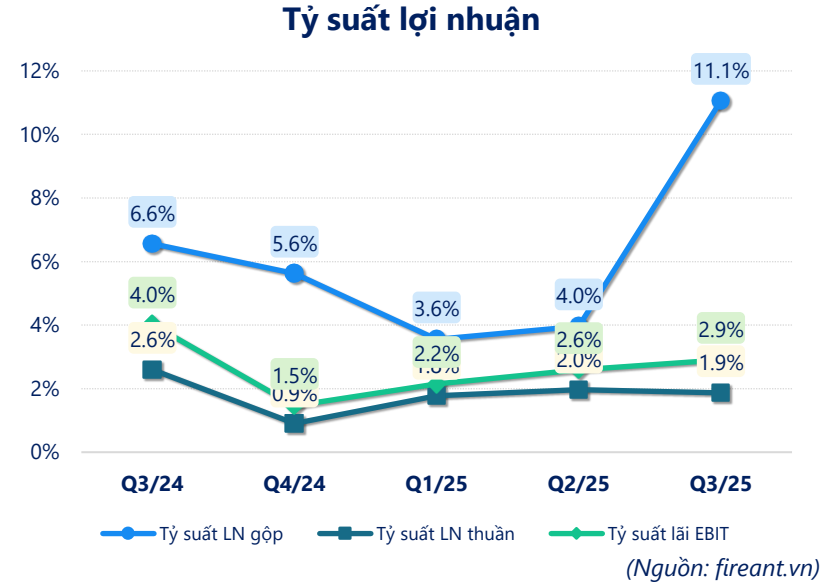
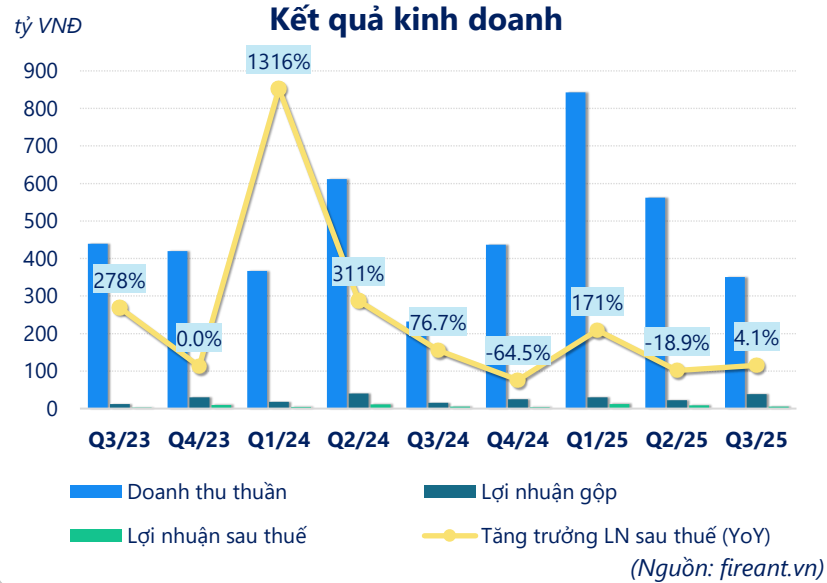


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		41,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,650
SL cổ phiếu LH		10,840,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,000
% sở hữu nước ngoài		10.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		454
P/E		15.2
EPS		2,762

	YTD	1T	3T	6T
VC6	149.7%	14.8%	51.3%	51.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	958	1,004	-4.6%
Tài sản ngắn hạn	879	911	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	94.6	137	-30.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.1	20.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	327	293	11.5%
Hàng tồn kho	402	418	-3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	35.6	43.3	-18.0%
Tài sản dài hạn	79.3	93.1	-14.8%
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản cố định	39.6	39.1	1.4%
Bất động sản đầu tư	7.46	18.5	-59.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.2	15.5	-21.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	781	843	-7.4%
Nợ ngắn hạn	781	842	-7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	173	143	20.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	398	430	-7.4%
Nợ dài hạn	0	1.41	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.41	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	161	10.4%
Vốn chủ sở hữu	177	161	10.4%
Vốn điều lệ	108	96.8	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	232	437	843	562	350
Giá vốn hàng bán	217	412	813	540	312
Lợi nhuận gộp	15.2	24.6	29.9	22.3	38.8
Doanh thu HĐTC	1.29	-1.39	1.70	1.84	1.55
Chi phí TC	2.73	2.07	2.95	3.46	3.34
Chi phí lãi vay	2.73	2.07	2.95	3.46	3.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.75	17.2	13.7	9.58	30.4
LN thuần từ HĐKD	6.02	3.95	15.0	11.1	6.53
Lợi nhuận khác	0.57	0.37	0.17	0.01	0.33
LN trước thuế	6.59	4.32	15.2	11.1	6.86
Lợi nhuận sau thuế	5.27	3.44	12.1	8.88	5.49
LNST của CĐ cty mẹ	5.27	3.44	12.1	8.88	5.48

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.1	-25.2	-20.3	-133	92.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.2	-1.36	-1.26	0.99	-0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-108	34.5	51.2	43.7	-76.4
Tiền đầu kỳ	222	134	137	167	78.6
Lưu chuyển tiền thuần	-88.4	7.94	29.7	-88.0	16.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	134	142	167	78.6	94.6

(Nguồn: fireant.vn)